

CHÍNH SÁCH BIỂN ĐÔNG CỦA HOA KỲ - TỪ OBAMA ĐẾN TRUMP VÀ ẢNH HƯỞNG TỚI VIỆT NAM¹

Nguyễn Anh Cường²

Lê An Hải³

Tóm tắt: Biển Đông giữ vị trí chiến lược then chốt trong cấu trúc an ninh khu vực và cạnh tranh nước lớn, nhất là trong bối cảnh chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương và đối đầu Hoa Kỳ - Trung Quốc gia tăng. Bài viết phân tích sự điều chỉnh chính sách Biển Đông của Hoa Kỳ qua các chính quyền tổng thống Obama, Trump, Biden và phác họa xu hướng dưới chính quyền Trump lần hai, dựa trên phân tích, so sánh các tài liệu chính thức và nghiên cứu học thuật. Kết quả cho thấy mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ cơ bản nhất quán – duy trì tự do hàng hải, kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc, bảo vệ trật tự dựa trên luật lệ – trong khi cách tiếp cận và công cụ triển khai có sự thay đổi đáng kể giữa các đời tổng thống. Từ đó, bài viết nhận diện những cơ hội, thách thức đối với Việt Nam trong quan hệ với Hoa Kỳ trên vấn đề Biển Đông và gợi mở một số hàm ý chính sách.

Từ khóa: Biển Đông, chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đối đầu Mỹ - Trung, hợp tác an ninh hàng hải, quan hệ quốc phòng.

Abstract: The East Sea occupies a critical strategic position in the regional security architecture and in major-power competition, particularly in the context of the Indo - Pacific strategy and intensifying U.S - China rivalry. This article analyzes the evolution of U.S. policy toward the East Sea under the Obama, Trump, and Biden administrations, and outlines possible trajectories under a second Trump administration, drawing on qualitative analysis and comparison of official documents and academic studies. The findings indicate that U.S. strategic objectives have remained broadly consistent - maintaining freedom of navigation, constraining China's influence, and upholding a rules-based order - while approaches and instruments of implementation have varied significantly across administrations. On that basis, the article identifies key opportunities and challenges for Viet Nam in managing its relations with the United States on East Sea issues and proposes several policy implications.

Keywords: East Sea, Indo-Pacific Strategy, U.S - China rivalry, defense relations, maritime security cooperation.

1 Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn trong đề tài mã số SV.2025.14. Bài viết thể hiện quan điểm nghiên cứu của nhóm tác giả.

2 Phó giáo sư, Tiến sĩ, Giảng viên, Khoa Khoa học Chính trị, Trường Đại học Khoa học XH&NV, ĐHQGHN.

3 Sinh viên, khóa QHX 2022, Khoa Khoa học Chính trị, Trường Đại học Khoa học XH&NV, ĐHQGHN.

1. Đặt vấn đề

Biển Đông có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa là tuyến hàng hải vận chuyển khoảng 30% thương mại toàn cầu, vừa sở hữu nguồn tài nguyên phong phú với trữ lượng đã được chứng minh khoảng 190 nghìn tỷ feet khối khí và 11 tỷ thùng dầu, cùng tiềm năng lớn chưa được khai thác (Pawe và cộng sự 2025). Khu vực này cũng cung cấp khoảng 10% sản lượng thủy sản thế giới và bao gồm Eo biển Malacca – hành lang vận tải dầu mỏ chủ chốt của các nền kinh tế Đông Á (Mitchell, 2016). Bên cạnh giá trị kinh tế, Biển Đông là tâm điểm cạnh tranh chiến lược giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Với Trung Quốc, đây là không gian then chốt cho phát triển kinh tế và mở rộng ảnh hưởng quân sự; với Hoa Kỳ, sự trỗi dậy của Trung Quốc tại Biển Đông đe dọa lợi ích chiến lược và an ninh của Washington cùng các đồng minh. Khu vực còn là giao điểm của các chiến lược lớn như “*Vành đai và Con đường*” và “*Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương*”.

Chính sách Biển Đông của Hoa Kỳ có sự điều chỉnh đáng kể giữa các chính quyền: Obama ưu tiên “*tái cân bằng châu Á*” và ngoại giao; Trump tăng cường đối đầu thông qua hoạt động tự do hàng hải; Biden duy trì lập trường cứng rắn và thúc đẩy hợp tác đa phương (Nhà Trắng, 2010; Mishin và cộng sự, 2021). Là quốc gia ven biển có lợi ích trực tiếp, Việt Nam phụ thuộc lớn vào an ninh Biển Đông cả về kinh tế lẫn quốc phòng, với trữ lượng ước tính khoảng 10 tỷ tấn dầu và 1.000 tỷ m³ khí (Trần Đức Thanh và cộng sự, 2009). Với vị trí chiến lược, Việt Nam không chỉ đóng vai trò quan trọng trong

việc duy trì an ninh khu vực mà còn thúc đẩy hợp tác quốc tế trong các tuyến giao thương chiến lược. Chính sách của Hoa Kỳ vừa tạo cơ hội tăng cường năng lực an ninh cho Việt Nam, vừa đặt Hà Nội vào thế cân bằng khó khăn giữa Washington và Bắc Kinh.

Nghiên cứu này phân tích sự thay đổi trong chính sách Biển Đông của Hoa Kỳ qua các chính quyền Obama, Trump, Biden và dự báo nhiệm kỳ hai của Trump, đánh giá tác động đối với Việt Nam, và rút ra các hàm ý cho chiến lược lâu dài của Hoa Kỳ tại khu vực.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu thông qua thu thập và đánh giá các báo cáo chính thức, bài nghiên cứu và chính sách của các chính phủ Hoa Kỳ, Trung Quốc và Việt Nam về Biển Đông. Phương pháp này kết hợp các cách tiếp cận quan trọng như phân tích tài liệu toàn diện, bao gồm các bài báo nghiên cứu học thuật, báo cáo chính phủ và các cơ quan uy tín từ Việt Nam và thế giới, nhằm giải thích vấn đề nghiên cứu và các phát ngôn chính thức của các nhà lãnh đạo cấp cao. Phương pháp so sánh sẽ đối chiếu các chính sách Biển Đông của từng chính quyền Hoa Kỳ dựa trên các yếu tố ngoại giao, quân sự và kinh tế, nhằm rút ra các kết luận về ảnh hưởng của chính sách này đối với Việt Nam và khu vực.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Chính quyền Tổng thống Barack Obama (2009 - 2017)

Không đứng về bên nào trong tranh chấp chủ quyền. Trong nhiệm kỳ Tổng thống Obama, Biển Đông trở thành một nội dung trọng tâm của chiến lược “*Tái cân bằng*

Châu Á”, trong đó Hoa Kỳ công bố nhiều tuyên bố chính thức nhằm bảo vệ lợi ích tại khu vực và kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc (Nguyễn Hà Trang, 2022). Washington duy trì lập trường không đứng về bên nào trong các tranh chấp chủ quyền, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu giải quyết hòa bình, dựa trên luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS 1982.

Tại ARF 2010 ở Hà Nội, Ngoại trưởng Hillary Clinton khẳng định Hoa Kỳ có lợi ích trong tự do hàng hải, ổn định khu vực và giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, nhưng không ủng hộ yêu sách chủ quyền cụ thể nào. Hoa Kỳ không đứng về bên nào trong các tranh chấp chủ quyền, nhưng chúng tôi có lợi ích quốc gia trong việc duy trì hòa bình và ổn định, tôn trọng luật pháp quốc tế, thương mại hợp pháp không bị cản trở, và tự do hàng hải và hàng không, phản đối bất cứ bên nào đòi quyền sở hữu toàn bộ khu vực này thông qua các biện pháp không phải hòa bình và không tuân theo các công ước quốc tế (Nguyễn Hà Trang, 2022)

Phản đối yêu sách của Trung Quốc. Hoa Kỳ phản đối yêu sách về đường 9 đoạn của Trung Quốc. Washington ủng hộ ASEAN trong việc chống lại áp lực từ Bắc Kinh và thúc đẩy giải pháp đa phương dựa trên pháp quyền, thay vì cách tiếp cận song phương do Trung Quốc đề xuất (Hachigian và cộng sự, 2012) Sự điều chỉnh chính sách này thể hiện rõ khi Hoa Kỳ công khai thách thức cơ sở pháp lý của yêu sách Trung Quốc và coi các hành động đơn phương của Bắc Kinh là yếu tố gây mất ổn định khu vực (Zachary Keck, 2014).

Chiến dịch tự do hàng hải FOPOPs. Trong nhiệm kỳ Tổng thống Obama, Hoa Kỳ tăng cường triển khai các chiến dịch tự do hàng hải (FONOPs) nhằm khẳng định sự hiện

diện quân sự và bảo vệ quyền tự do hàng hải theo UNCLOS, đồng thời thách thức các yêu sách chủ quyền quá mức của Trung Quốc. Chính quyền Obama tiến hành hai FONOPs năm 2015 và ba FONOPs năm 2016 (David B. Larter, 2020). Năm 2016, tàu khu trục USS Curtis Wilbur tuần tra trong phạm vi 12 hải lý đảo Tri Tôn nhằm bác bỏ yêu sách của Trung Quốc (Mira Rapp-Hooper, 2016), tiếp theo là hoạt động của USS Decatur gần đảo Tri Tôn và đảo Phú Lâm (Ankit Panda, 2016) và tàu USS William P. Lawrence đã tiến hành tuần tra trong phạm vi 12 hải lý của Đá Chữ Thập (Eleanor Freund, 2017). Các hoạt động này thể hiện cam kết của Hoa Kỳ trong việc duy trì trật tự quốc tế dựa trên luật pháp, bảo đảm an ninh hàng hải và ngăn chặn nỗ lực áp đặt quyền kiểm soát của Trung Quốc tại Biển Đông.

3.2. Chính quyền Tổng thống Donald Trump lần thứ nhất (2017 - 2021)

Đối đầu trực tiếp với Trung Quốc bằng các biện pháp quân sự và kinh tế. Dưới thời Tổng thống Trump, Hoa Kỳ áp dụng lập trường cứng rắn và đối đầu trực tiếp hơn với Trung Quốc trên cả phương diện quân sự lẫn kinh tế. Thông qua Đạo luật Ủy quyền Quốc phòng (NDAA), Washington triển khai nhiều biện pháp nhằm vô hiệu hóa hoạt động quân sự hoá trái phép của Trung Quốc tại Biển Đông. Bên cạnh đó, việc khôi phục Đối thoại An ninh Tứ giác (QUAD) năm 2017 góp phần thúc đẩy chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, tạo đối trọng trước tham vọng mở rộng ảnh hưởng của Bắc Kinh. Về mặt quân sự, chính quyền Trump tăng cường FONOPs, triển khai tàu khu trục tới Hoàng Sa, Trường Sa và Bãi cạn Scarborough, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động trinh sát, bao gồm nhiều chuyến bay của B-52 từ Guam tới khu vực.

Tăng cường tự do hàng hải (FONOPs) và áp đặt lệnh trừng phạt lên các công ty Trung Quốc. Về Biển Đông, Hoa Kỳ tăng mạnh tần suất và phạm vi FONOPs, với 24 hoạt động từ 2017–2020, trong đó năm 2018 thực hiện ít nhất 5 lần, năm 2019 và 2020 đều 9 lần (Vo Quoc Hung và cộng sự, 2023; Nguyễn Thị Tố Uyên, 2023). Những hoạt động này nhằm khẳng định quyền tự do hàng hải và đối phó với nỗ lực áp đặt yêu sách của Trung Quốc trong khu vực.

3.3. Chính quyền Tổng thống Joe Biden (2021 - 2025)

Hợp tác với các đồng minh và đối tác để áp lực lên Trung Quốc. Trong Chiến lược An ninh Quốc gia, chính quyền Biden nhấn mạnh vai trò trung tâm của các liên minh và đối tác trong khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Mục tiêu của Washington là thúc đẩy hợp tác toàn diện nhằm duy trì cân bằng quyền lực, tăng cường thịnh vượng và nâng cao năng lực ứng phó với các thách thức an ninh xuyên quốc gia (Yang và cộng sự, 2022). Hoa Kỳ đẩy mạnh hoạt động của các cơ chế an ninh như AUKUS và QUAD, đồng thời tăng cường phối hợp với ASEAN để tạo ra sức ép chiến lược đối với Trung Quốc. Washington cũng mở rộng hợp tác với các đối tác ngoài khu vực, như EU và NATO, nhằm hình thành mạng lưới liên minh rộng hơn để kiềm chế ảnh hưởng của Bắc Kinh (Songying Fang và cộng sự, 2022). Những động thái này phản ánh rõ nỗ lực của chính quyền Biden trong việc xây dựng cấu trúc an ninh đa phương chống lại các thách thức từ Trung Quốc.

Hỗ trợ giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình. Dựa trên phán quyết của Tòa Trọng tài năm 2016, Hoa Kỳ bác bỏ hoàn toàn yêu sách chủ quyền phi lý của

Trung Quốc ở Biển Đông và thể hiện sự ủng hộ rõ ràng đối với các đồng minh và đối tác chịu ảnh hưởng. Washington đồng thời nhấn mạnh lập trường ủng hộ ASEAN trong việc thúc đẩy đối thoại, xây dựng lòng tin và hợp tác khu vực. Hoa Kỳ khẳng định ASEAN có vai trò trung tâm trong thúc đẩy thực hiện đầy đủ Tuyên bố DOC và xây dựng Bộ Quy tắc Ứng xử (COC) hiệu lực, phù hợp luật pháp quốc tế và UNCLOS 1982, lập trường này vừa thể hiện cam kết của Hoa Kỳ đối với trật tự dựa trên luật lệ.

3.4. Chính quyền Tổng thống Donald Trump lần thứ hai (từ 2025 đến nay)

Gia tăng hoạt động quân sự tại Biển Đông. Trong nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Donald Trump (2025–nay), Hoa Kỳ tiếp tục theo đuổi lập trường cứng rắn với Trung Quốc và đẩy mạnh đáng kể hiện diện quân sự tại Biển Đông. Theo Viện Nghiên cứu Chiến lược Quốc tế (IISS, 2025), Washington đã thực hiện 28 chiến dịch tự do hàng hải (FONOPs) trong năm 2025, tăng 40% so với năm 2024. Ngoài ra, Hoa Kỳ còn triển khai nhóm tác chiến tàu sân bay USS Ronald Reagan và máy bay ném bom chiến lược B-52 thực hiện các chuyến bay giám sát trên Biển Đông. Những động thái này nhằm gửi tín hiệu rắn đẽ mạnh mẽ đến Trung Quốc.

3.5. Đánh giá

Sự chuyển động linh hoạt và nhất quán trong chính sách. Chính sách Biển Đông của Hoa Kỳ qua các đời tổng thống vừa linh hoạt trong cách thức triển khai, vừa nhất quán về mục tiêu chiến lược. Dù mức độ can dự, cách tiếp cận ngoại giao hay biện pháp quân sự thay đổi dưới các chính quyền Obama, Trump, Biden và Trump nhiệm kỳ hai, Washington vẫn tập trung bảo vệ lợi ích quốc gia, duy trì tự do hàng hải và kiềm chế

sự bành trướng của Trung Quốc. Các điều chỉnh chủ yếu nhằm thích ứng với bối cảnh chiến lược mới, trong khi mục tiêu dài hạn là giữ ổn định khu vực, duy trì trật tự hàng hải dựa trên luật lệ và hỗ trợ các quốc gia trong khu vực phát triển độc lập trước các yêu sách đơn phương từ Trung Quốc.

Tính nhất quán về mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ

Dưới thời Tổng thống Obama (2009-2017), Hoa Kỳ đã thực hiện chiến lược “tái cân bằng”, khẳng định mục tiêu duy trì vai trò lãnh đạo tại khu vực Đông Nam Á, bảo vệ quyền tự do hàng hải và ngăn chặn sự bành trướng của Trung Quốc tại Biển Đông (Adam Singer 2020). Mục tiêu này không thay đổi qua các giai đoạn và được giữ vững dù phương thức thực thi có sự điều chỉnh. Mặc dù chiến lược dưới thời Obama tập trung vào việc duy trì sự ổn định khu vực thông qua hợp tác ngoại giao và quân sự Hoa Kỳ vẫn khẳng định cam kết bảo vệ quyền lợi quốc gia và duy trì tự do hàng hải tại Biển Đông (Nguyễn Hà Trang, 2022).

Dưới thời Tổng thống Trump (2017-2021), mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ vẫn không thay đổi, đó là chống lại sự mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc tại Biển Đông, nhưng phương pháp thực thi đã thay đổi rõ rệt. Chính quyền Trump đã áp dụng một chính sách đối đầu mạnh mẽ hơn với Trung Quốc, tăng cường các hoạt động quân sự, đặc biệt là các hoạt động tự do hàng hải (FONOPs) và điều tàu chiến vào các khu vực tranh chấp tại Biển Đông. Mặc dù phương pháp thực thi có sự thay đổi, mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ trong việc bảo vệ quyền tự do di chuyển và duy trì ổn định khu vực vẫn không thay đổi.

Dưới thời Tổng thống Biden (2021-2025), Hoa Kỳ tiếp tục duy trì mục tiêu chiến

lược bảo vệ quyền lợi quốc gia và duy trì sự ổn định khu vực. Tuy nhiên, phương pháp thực thi đã linh hoạt hơn khi Hoa Kỳ chuyển sang chiến lược đa phương và tăng cường hợp tác với các đồng minh trong khu vực như QUAD, AUKUS, đồng thời tăng cường hỗ trợ quân sự cho Việt Nam. Chính quyền Biden cũng đặc biệt chú trọng đến việc giải quyết tranh chấp Biển Đông thông qua các biện pháp hòa bình và hợp tác quốc tế, đồng thời bảo vệ quyền tự do hàng hải và đảm bảo một khu vực tự do, rộng mở.

Sự thay đổi linh hoạt về phương pháp thực thi

Mặc dù mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ không thay đổi qua các giai đoạn, phương pháp thực thi đã có sự linh hoạt và điều chỉnh theo từng bối cảnh. Dưới thời Obama, chính sách “tái cân bằng” tập trung vào việc tăng cường sự hiện diện ngoại giao và quân sự của Hoa Kỳ tại khu vực Đông Nam Á (Adam Singer 2020). Chính sách này chủ yếu nhằm mục đích ngăn chặn sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc mà không gây ra sự đối đầu trực diện, chủ yếu dựa vào hợp tác quốc tế và xây dựng các cơ chế an ninh đa phương. Điều này giúp duy trì sự ổn định trong khu vực mà không làm gia tăng căng thẳng trực tiếp với Trung Quốc.

Trong khi đó, chính quyền Trump lại chuyển sang một phương pháp đối đầu mạnh mẽ hơn, với các biện pháp quân sự và kinh tế nhằm kiềm chế Trung Quốc. Hoa Kỳ gia tăng các hoạt động tự do hàng hải (FONOPs), điều tàu chiến vào các vùng biển tranh chấp và thậm chí áp đặt các biện pháp trừng phạt đối với Trung Quốc (Mishin và cộng sự 2021). Phương pháp này giúp Hoa Kỳ khẳng định quyền tự do di chuyển và bảo vệ quyền lợi quốc gia, tuy nhiên cũng tạo ra sự leo thang căng thẳng trong khu vực.

3.6. Ảnh hưởng tới Việt Nam

Việt Nam ngày càng đóng vai trò quan trọng trong chiến lược Biển Đông của Hoa Kỳ. Vai trò của Việt Nam trong chiến lược Biển Đông của Hoa Kỳ ngày càng được củng cố qua các đời tổng thống. Dưới thời Obama, Việt Nam trở thành đối tác quan trọng trong chiến lược “tái cân bằng”, khi Washington đẩy mạnh hỗ trợ an ninh – kinh tế và giúp Việt Nam tăng cường năng lực bảo vệ quyền lợi trên biển trong bối cảnh căng thẳng với Trung Quốc gia tăng.

Sang thời Trump, Việt Nam tiếp tục giữ vị trí nổi bật khi Hoa Kỳ theo đuổi đường lối đối đầu mạnh mẽ hơn với Trung Quốc. Washington tăng cường hợp tác quân sự, hỗ trợ nâng cao năng lực bảo vệ chủ quyền biển đảo thông qua cung cấp tàu tuần tra, trang thiết bị và các chương trình huấn luyện quốc phòng.

Dưới thời Biden, vai trò của Việt Nam được mở rộng trong khuôn khổ chiến lược đa phương Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Hoa Kỳ không chỉ duy trì hợp tác quốc phòng mà còn thúc đẩy hợp tác kinh tế, an ninh và quản trị biển nhằm hỗ trợ Việt Nam ứng phó với các thách thức từ Trung Quốc (IO Mishin, 2021). Chính sách này càng làm nổi bật vai trò của Việt Nam trong việc đảm bảo quyền tự do hàng hải và duy trì sự ổn định khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Nhìn tổng thể, dù phương pháp thực thi chính sách của Hoa Kỳ thay đổi qua các thời kỳ – từ tiếp cận hợp tác kiềm chế (Obama), đối đầu cứng rắn (Trump) đến hợp tác đa phương sâu rộng (Biden) – nhưng mục tiêu chiến lược vẫn nhất quán: bảo vệ lợi ích quốc gia và duy trì trật tự hàng hải dựa trên luật lệ. Trong tiến trình đó, Việt Nam ngày càng trở thành đối tác chiến lược thiết yếu,

góp phần bảo vệ tự do hàng hải, chủ quyền biển đảo và ổn định khu vực trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ – Trung ngày càng gia tăng.

Hoa Kỳ có thể yêu cầu Việt Nam gia tăng vai trò trong chiến lược Biển Đông. Với vị trí địa chiến lược quan trọng, Việt Nam có khả năng trở thành đối tác mà Hoa Kỳ kỳ vọng đóng vai trò lớn hơn trong chiến lược kiềm chế Trung Quốc tại Biển Đông. Theo Hội đồng Quan hệ Đối ngoại Hoa Kỳ (CFR), Washington có thể khuyến khích Việt Nam tham gia sâu hơn vào các sáng kiến an ninh khu vực như Quad Plus hoặc mở rộng các chương trình tuần tra chung. Việc Hoa Kỳ gia tăng áp lực có thể mang lại cho Việt Nam cả cơ hội và thách thức. Một mặt, Việt Nam có thể tranh thủ sự ủng hộ từ Washington để củng cố khả năng phòng thủ biển, bảo vệ chủ quyền tại Trường Sa và Hoàng Sa. Mặt khác, điều này cũng có thể làm gia tăng căng thẳng với Trung Quốc, quốc gia có quan hệ kinh tế quan trọng với Việt Nam.

Việt Nam cần cân nhắc giữa cơ hội hợp tác với Hoa Kỳ và áp lực từ Trung Quốc. Việt Nam cần cân nhắc cẩn trọng giữa lợi ích của việc hợp tác với Hoa Kỳ và nguy cơ bị Trung Quốc trả đũa. Trung Quốc có thể gia tăng áp lực kinh tế, ngoại giao hoặc thậm chí quân sự nếu Việt Nam tiến quá gần đến Washington. Do đó, Việt Nam có thể chọn chiến lược cân bằng, tiếp tục duy trì hợp tác với Hoa Kỳ nhưng không công khai liên minh quân sự, đồng thời giữ quan hệ ổn định với Trung Quốc để tránh xung đột không cần thiết.

4. Kết luận

Chính sách Biển Đông của Hoa Kỳ qua các đời tổng thống thể hiện sự linh hoạt về phương pháp nhưng vẫn nhất quán về mục tiêu chiến lược: bảo vệ lợi ích quốc gia, duy trì tự do hàng hải và kiềm chế sự bành

trưởng của Trung Quốc. Dưới thời Obama (2009–2017), Hoa Kỳ ưu tiên ngoại giao đa phương và tránh đối đầu trực tiếp, song vẫn tiến hành các hoạt động FONOPs để khẳng định trật tự dựa trên luật lệ. Thời Trump (2017–2021), Washington chuyển sang lập trường cứng rắn, kết hợp biện pháp quân sự và kinh tế nhằm kiềm chế Trung Quốc trong khu vực. Đến thời Biden (2021–nay), Hoa Kỳ duy trì cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc nhưng theo hướng đa phương, tăng cường hợp tác với đồng minh và đối tác. Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ Trump lần hai (2025–nay), chính sách của Washington có xu hướng quay lại đối đầu mạnh mẽ hơn, giảm trọng tâm vào đa phương và gia tăng áp lực trực tiếp lên Bắc Kinh.

Đối với Việt Nam, chính sách Biển Đông của Hoa Kỳ tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức. Về cơ hội, Việt Nam có thể tăng cường năng lực quốc phòng, hiện đại hóa quân đội và bảo vệ chủ quyền biển đảo thông qua hợp tác quân sự, công nghệ và huấn luyện với Hoa Kỳ. Quan hệ kinh tế – thương mại cũng mở rộng, giúp Việt Nam tiếp cận thị trường

và công nghệ tiên tiến. Tuy nhiên, sự gần gũi với Washington có thể khiến Việt Nam đối mặt với sức ép ngoại giao, kinh tế hoặc an ninh từ Trung Quốc, đặc biệt trong bối cảnh quan hệ Mỹ–Trung ngày càng căng thẳng. Điều này đòi hỏi Việt Nam phải duy trì chiến lược cân bằng linh hoạt, tránh rơi vào đối đầu với bất kỳ cường quốc nào.

Từ chính sách của Hoa Kỳ, có thể rút ra ba bài học chính. Thứ nhất, mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ ổn định trong dài hạn, nhưng phương pháp triển khai có thể thay đổi nhanh chóng theo từng chính quyền – điều mà các quốc gia trong khu vực cần chủ động theo dõi và thích ứng. Thứ hai, vai trò của các đồng minh và đối tác, đặc biệt là các nước ASEAN như Việt Nam, ngày càng quan trọng trong tính toán của Hoa Kỳ tại Biển Đông. Thứ ba, trong bối cảnh môi trường chiến lược biến động, Việt Nam cần tiếp tục giữ lập trường độc lập, tự chủ, củng cố quan hệ với nhiều đối tác khác nhau để bảo vệ lợi ích quốc gia và duy trì ổn định khu vực.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Phương Anh và Trần Thị Hà Phương (2024), Chính sách đối ngoại đa phương của nước Mỹ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, *Tap Chí Công sản*, Truy cập từ <https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/990802/chinh-sach-doi-ngoai-da-phuong-cua-nuoc-my-tai-khu-vuc--an-do-duong---thai-binh-duong.aspx>
2. Ankit Panda (2016), South China Sea: US Navy Destroyer Asserts Freedom of Navigation in Paracel Islands, *The Diplomat*, Retrieved from <https://thediplomat.com/2016/10/south-china-sea-us-navy-destroyer-asserts-freedom-of-navigation-in-paracel-islands/>
3. B.Pawe & Seniwati (2025), Dispute in the South China Sea between America and China. *WISSEN: Jurnal Ilmu Sosial dan Humaniora*, 3(1): 07-27.
4. Nguyễn Anh Cường (2023), The South China Sea for China, the United States, and what choice for Vietnam, *Cogent Social Sciences*, 9 (1):2204570. DOI: 10.1080/23311886.2023.2204570.
5. Daniel Russel (2015), Maritime Issues in East Asia, *U.S. Department of State*, Retrieved from <https://2009-2017.state.gov/p/eap/rls/rm/2015/05/242262.htm>.

6. Eleanor Freund (2017), Freedom of Navigation in the South China Sea: A Practical Guide, *Asia Maritime Transparency Initiative*, Retrieved from <https://amti.csis.org/freedom-of-navigation-practical-guide/>
7. Phạm Quang Hiền (2025), Những “con sóng” đầu tiên xuất hiện ở Biển Đông vào đầu năm 2025, *Modern Diplomacy*, Truy cập từ <https://moderndiplomacy.eu/2025/03/03/the-first-waves-appear-in-the-south-china-sea-in-early-2025/>
8. IO Mishin (2021), US’ South China Sea policy: The first steps under presidency of Joe Biden, *Asia and Africa Today*, (12): 12-19.
9. Jeffrey A. Bader (2014), The U.S. and China’s Nine-Dash Line: Ending the Ambiguity”, *Brookings*, Retrieved from <https://www.brookings.edu/articles/the-u-s-and-chinas-nine-dash-line-ending-the-ambiguity/>
10. Mira Rapp-Hooper (2016), Confronting China in the South China Sea, *CNAS*, Retrieved from <https://www.cnas.org/publications/commentary/confronting-china-in-the-south-china-sea>
11. Mishin I. (2021), US Policy in the South China Sea During the Presidency of D. Trump, *Russian Politics & Law*, 58(3-4), 155-172.
12. The White House (2010), National Security Strategy, *The White House*, Washington, Retrieved from https://obamawhitehouse.archives.gov/sites/default/files/rss_viewer/national_security_strategy.pdf
13. Nguyễn Hà Trang (2022), *Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống B. Obama*, Luận án Tiến sĩ Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Vo Hung, Binh Nguyen, Hiep Tran, and Thao Bui (2023), US-China rivalry in Southeast Asia region: a study on the South China Sea case, *Journal of Liberty and International Affairs*, 9(1): 336-351.
15. Wo Shicun and Jayanath Colombage (2019), Indo-Pacific strategy and China’s response, *National Institute for South China Sea Studies*, Retrieved from <https://www.chinaus-icas.org/staging/6779/wp-content/uploads/2019/10/Indo-Pacific-Strategy-and-Chinas-Response.pdf>
16. WT Tow (2016), US–Southeast Asia relations in the age of the rebalance, *Southeast Asian Affairs*, 35-54.
17. Zachary Keck (2014), US Challenges China’s Nine-Dash Line Claim, *The Diplomat*, Retrieved from <https://thediplomat.com/2014/02/us-challenges-chinas-nine-dash-line-claim/>